

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2139/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 03/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kiều L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1, tổ C, khu phố D, phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 1, tổ C, khu phố D, phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: K3/63A Bùi Hữu N, khu phố E, phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều L trình bày:

Bà và ông Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2008. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái. Do không muốn gia đình đổ vỡ nên vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Đến nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà đề nghị được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Phạm Ngọc T có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Anh M, sinh ngày 26/01/2010. Hiện nay con chung đang sống với bà nên ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên bà xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và khi Tòa án mở phiên tòa xét xử

Bị đơn ông Phạm Ngọc T:

Ông Phạm Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến nộp cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều L đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kiều L được ly hôn với ông Phạm Ngọc T. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Anh M, sinh ngày 26/01/2010 cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà L trình bày sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa có ý kiến của bị đơn nên không giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Phạm Ngọc T và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Vũ Thị Kiều L là nguyên đơn, ông Phạm Ngọc T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Ngọc T hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Bà Vũ Thị Kiều L có đơn xin vắng mặt và ông Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kiều L và ông Phạm Ngọc T có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND phường B, TP ., tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/10/2008 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay bà Vũ Thị Kiều L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Kiều L nhận thấy:

Sau khi đăng ký kết hôn bà Vũ Thị Kiều L và ông Phạm Ngọc T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, cả hai đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà Vũ Thị Kiều L và ông Phạm Ngọc T đã sống ly thân không ai quan tâm, thăm hỏi ai. Hiện nay cả hai sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại UBND phường B ngày 06/11/2024 (Bút lục 25) xác định địa phương không nắm được mâu thuẫn do các đương sự không trình báo, không có đơn đề nghị hòa giải.

Tuy nhiên, ông Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo địa chỉ tạm trú nhưng ông T không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình như thế nào đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Kiều L, và vắng mặt không lý do tại các phiên hòa giải, xét xử điều này chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, cố ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông và bà L.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy....thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Bà L và ông T là vợ chồng nhưng mỗi người sống một nơi, bỏ mặc nhau, không sống với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau là không tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, không có tình nghĩa vợ chồng với nhau theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà L, ông T hiện đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Anh M, sinh ngày 26/01/2010. Hiện nay con chung đang sống cùng bà L, bà L đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của bà L là cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, hiện

nay con chung đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Phạm Ngọc Anh M cũng có ý kiến xin được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên do chưa có ý kiến của ông T về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị Kiều L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đ.

[6] **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát** nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều L đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Kiều L được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Anh M, sinh ngày 26/01/2010 cho bà Vũ Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Phạm Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Vũ Thị Kiều L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000813 ngày

26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp xong án phí.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Ngọc Phương Trang